

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 237/2021/HC-PT

Ngày: 17-11-2021

V/v khiếu kiện hành vi hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường**.

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Tấn Long**.
Ông **Lê Tự**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông **Nguyễn Chiến** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17-11-2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 200/2021/TLPT-HC ngày 14-5-2021 về “Khiếu kiện hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2021/HC-ST ngày 05-4-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 269/2021/QĐ-PT ngày 01-11-2021, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1935; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố L 1, thị trấn Đ, huyện Q, Quảng Nam, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông **Hà Trần Minh T**, sinh năm 1968; địa chỉ cư trú: thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Quảng Nam (Giấy ủy quyền ngày 15-01-2021), có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

Bà **Nguyễn Thị Tuyết S** - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Nam; địa chỉ: tỉnh Quảng Nam, có mặt tại phiên tòa.

- Người bị kiện: **Văn phòng Đăng ký đất đai Quảng Nam**; địa chỉ: tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông **Trần Văn C** - Chức vụ:

Phó Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai Quảng Nam (Giấy ủy quyền số 706/GUQ-VPĐKĐĐ ngày 03-11-2020), có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Hà Trần Minh T, sinh năm 1968; địa chỉ cư trú: thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Quảng Nam, có mặt tại phiên tòa.

2. Bà Trần Thị T, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Quảng Nam, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Người khởi kiện trình bày:*

Ngày 10-3-2020, hộ bà Trần Thị L gửi hồ sơ xin xác định lại diện tích đất ở của thửa đất số 399, tờ bản đồ số 12, với diện tích 1.542 m² (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 428778 được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện Q cấp ngày 19-5-2004 cho hộ bà Trần Thị L). Tại Công văn số 129/CV-VPĐK ngày 11-6-2020, Chi nhánh Văn Phòng Đăng ký đất đai Q trả lời cho bà Trần Thị L có nội dung hồ sơ của bà L không đảm bảo quy định theo khoản 5 Điều 24 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ.

Nhận thấy việc giải quyết của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Q không đúng pháp luật, vì những lý do sau:

- Thừa đất của hộ bà Trần Thị L có nguồn gốc trước 1975 do ông bà để lại, loại đất chữ T, đất vườn cùng thửa có nhà ở năm 1975, sử dụng ổn định không tranh chấp, được Hội đồng đăng ký nhà đất thị trấn xét đủ điều kiện đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở. Thửa đất của bà L có trong sổ mục kê, bản đồ, bảng tổng hợp thị trấn lưu trữ. Qua nhiều lần chia tách xã, đất của hộ bà L có trong Hồ sơ 299/TTg, bản đồ 299 do UBND xã Quế Long lập và đã chuyển giao cho UBND thị trấn Đ quản lý cho đến bây giờ. Những người làm chứng tại thị trấn Đ đều xác nhận gia đình bà L có tên trong Sổ đăng ký theo Hồ sơ 299/TTg, bản đồ đo đạc qua các thời kỳ, đất của bà L có ký hiệu T. Các cơ quan quản lý đất đai cho rằng đất của bà L không có Hồ sơ 299/TTg tại UBND thị trấn Đ, nhưng thực tế Hồ sơ đất đai theo Nghị định 64/CP là thừa kế của Hồ sơ theo Chỉ thị 299/TTg.

- Tại Điều 126 của Luật Đất đai năm 2013 quy định đất vườn là đất sử dụng có thời hạn, trong khi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà L ghi mục đích sử dụng lâu dài là mâu thuẫn. Năm 2010, Dự án cải tạo nâng cấp tỉnh lộ ĐT 611, huyện Q có ảnh hưởng phần diện tích đi qua trước nhà bà L thuộc thửa đất số 399, tờ bản đồ số 12, UBND huyện Q có thu hồi, bồi thường cho gia đình bà L diện tích 22,5 m² xác định là đất ở.

Như vậy, hộ bà Trần Thị L có các giấy tờ theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 100 của Luật Đất đai; Điều 18, điểm b khoản 5 Điều 24 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ đề công nhận toàn bộ diện tích đất của thửa đất số 399, tờ bản đồ 12 là đất ở. Việc trả lời của Văn phòng đăng ký đất đai Q giải quyết như vậy là thiệt hại đến quyền lợi của gia đình bà L. Do đó, bà Trần Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam buộc Chi nhánh Văn phòng Đăng

ký đất đai Q thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai Quảng Nam tiếp nhận lại hồ sơ xác định lại diện tích đất ở và trình UBND huyện Q công nhận diện tích đất ở đối với thửa đất số 399, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.542 m² cho hộ bà Trần Thị L theo đúng quy định pháp luật.

- Người bị kiện trình bày:

Hộ bà Trần Thị L sử dụng đất được UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 428778 ngày 19-5-2004 đối với thửa đất số 399, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.542 m², mục đích sử dụng đất: Đất ở là 200 m², đất vườn là 1.342 m², địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố L 1, thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

Ngày 10-3-2020, hộ bà Trần Thị L lập thủ tục xin xác định lại diện tích đất ở và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền công nhận toàn bộ diện tích 1.542 m² tại thửa đất số 399 nêu trên là đất ở tại đô thị. Qua kết quả thẩm tra hồ sơ, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Q nhận thấy: Thửa đất số 399, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.542 m² đã được xác định rõ mục đích sử dụng đất: Đất ở là 200 m², đất vườn là 1.342 m² tại Giấy chứng nhận số T 428778 do UBND huyện Q cấp ngày 19-5-2004 cho hộ bà Trần Thị L. Tại điểm a khoản 5 Điều 24 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai quy định: “*Hộ gia đình, cá nhân sử dụng thửa đất có vườn, ao gắn liền với nhà ở đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 thì diện tích đất ở được xác định là diện tích ghi trên Giấy chứng nhận đã cấp*”. Như vậy, việc hộ bà Trần Thị L lập thủ tục xin xác định lại diện tích đất ở đối với thửa đất đã được UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ghi rõ diện tích đất ở là không có cơ sở để thực hiện. Hơn nữa, trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Trần Thị L đã xác định rõ vị trí ranh giới thửa đất ở, có kích thước thửa đất rõ ràng, đối với diện tích 200 m², mục đích sử dụng đất ở thời hạn sử dụng là lâu dài, còn đối với diện tích 1.342 m², mục đích sử dụng đất vườn thì để trống.

Như vậy, đối chiếu theo khoản 11 điều 7 (bổ sung điều 11a) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29-9-2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì việc từ chối tiếp nhận hồ sơ xác định lại toàn bộ diện tích đất ở cho bà Trần Thị L là đúng quy định của pháp luật, vì hồ sơ của bà L thuộc trường hợp thông tin trong hồ sơ không phù hợp với thông tin được lưu giữ tại cơ quan đăng ký. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Q có văn bản yêu cầu cung cấp các giấy tờ theo quy định pháp luật, nhưng bà L không cung cấp chứng cứ. Do đó, việc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Q chuyển trả hồ sơ xin xác định lại diện tích đất ở của hộ bà Trần Thị L là đúng pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Hà Trần Minh T và bà Trần Thị Thuỳ trình bày:

Thông nhất với nội dung khởi kiện của bà Trần Thị L về việc đề nghị Tòa án buộc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Q thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai Quảng Nam tiếp nhận lại hồ sơ xác định lại diện tích đất ở và trình UBND huyện Q công nhận diện tích đất ở đối với thửa đất số 399, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.542 m² cho hộ bà Trần Thị L theo quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2021/HC-ST ngày 05-4-2021, Tòa án

nhân dân tỉnh Quảng Nam:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 24 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L về yêu cầu buộc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Q thuộc Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam tiếp nhận lại hồ sơ xác định lại diện tích đất ở và trình Ủy ban nhân dân huyện Q công nhận diện tích đất ở đối với thửa đất số 399, tờ bản đồ 12, diện tích 1.542 m² cho hộ bà Trần Thị L theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

- Ngày 14-4-2021, người khởi kiện kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, người khởi kiện kháng cáo toàn bộ bản án. Đơn kháng cáo của đương sự là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người kháng cáo giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện; người địa diện theo ủy quyền của người bị kiện đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Như vậy, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính: Chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị L; sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện, buộc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Q thuộc Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam tiếp nhận lại hồ sơ xác định lại diện tích đất ở và trình Ủy ban nhân dân huyện Q công nhận diện tích đất ở đối với thửa đất số 399, tờ bản đồ 12, diện tích 1.542 m² cho hộ bà Trần Thị L theo đúng quy định của pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của đương sự:

Người khởi kiện kháng cáo toàn bộ bản án, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét các vấn đề:

[2.1]. Về tố tụng:

Cho rằng nội dung trả lời tại Công văn trả số 129/CV-VPĐK ngày 11-6-2020 của Chi nhánh Văn Phòng Đăng ký đất đai Q ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình, nên bà Trần Thị L khởi kiện, yêu cầu buộc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Q thuộc Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam tiếp nhận lại hồ sơ xác định lại diện tích đất ở và trình Ủy ban nhân dân huyện Q công nhận diện tích đất ở đối với thửa đất số 399, tờ bản đồ 12, diện tích 1.542 m² cho hộ gia đình bà theo đúng quy định của pháp luật. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xác định đơn khởi kiện

còn trong thời hiệu và xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là “Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, nên thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính.

[2.2]. Về nội dung:

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Thửa đất của hộ bà Trần Thị L có nguồn gốc trước 1975 do ông bà để lại, loại đất chữ T, đất vườn cùng thửa có nhà ở năm 1975, sử dụng ổn định không tranh chấp, có trong sổ mục kê, bản đồ, bảng tổng hợp thị trấn lưu trữ. Do đó, được Hội đồng đăng ký nhà đất thị trấn Đ xét đủ điều kiện đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên cơ sở đề nghị của Hội đồng đăng ký nhà đất thị trấn Đ, ngày 19-5-2004, Ủy ban nhân dân huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 428778, trong đó có 200.0 m² đất ở và 1.342.0 m² đất vườn.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị L cung cấp cho Tòa án các chứng cứ để chứng minh bà Trần Thị L có các giấy tờ theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính Phủ để đề nghị công nhận toàn bộ diện tích đất mà bà L sử dụng tại thửa đất số 399, tờ bản đồ số 12 là đất ở, cụ thể:

- Giấy xác nhận về việc đo đạc theo Chỉ thị 299/TTg và bản đồ 299 do các ông Nguyễn Thành, Trương Lượm, Lê Văn Minh, Nguyễn Duy Đề, Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Tư, Trương Văn Lộc và Đặng Văn Khuê đều trú tại thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Quảng Nam có nội dung xác nhận bà Trần Thị L là người sử dụng đất tại thửa đất và diện tích nêu trên từ năm 1975, có trong bản đồ 299/TTg và sổ mục kê tại thị trấn Đ.

- Giấy xác nhận đứng tên ông Phạm Đích, ông Nguyễn Chí Công nguyên Chủ tịch UBND xã Quế Long xác nhận hộ bà Trần Thị L có hồ sơ đo đạc theo Chỉ thị 299/TTg xã Quế Long và cung cấp 01 tờ bản đồ 299/TTg.

Như vậy, hộ bà Trần Thị L quản lý, sử dụng thửa đất số 399, tờ bản đồ số 12 để làm nhà ở ổn định từ năm 1975 đến nay, được kê khai theo Hồ sơ 299/TTg và việc kê khai này cũng được người dân và chính quyền địa phương thời điểm đó xác nhận bà L kê khai theo hồ sơ 299/TTg là thửa đất số 160, tờ bản đồ số 10, loại đất chữ T, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng: “Theo Công văn số 10/UBND-ĐC-XD ngày 23-02-2021 của UBND thị trấn Đ về việc trả lời xác minh thể hiện: *Qua kiểm tra, xác minh về bản đồ giải thửa theo Chỉ thị 299/TTg trên địa bàn thị trấn Đ được đo đạc vào năm 1986. Tại thời điểm đó không có chủ trương thực hiện việc nhân dân kê khai đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg. Hiện thị trấn Đ không có lưu giữ hồ sơ theo Chỉ thị 299/TTg...*, nên không cơ sở xác định thửa đất số 399, tờ bản đồ số 12 theo hồ sơ 299/TTg là thửa đất số 160, tờ bản đồ số 10, loại đất T do bà Trần Thị L kê khai đăng ký”, từ đó không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị L là không có căn cứ, bởi lẽ: công văn nêu trên đã khẳng định “*Qua kiểm tra, xác minh về bản đồ giải thửa theo Chỉ thị 299/TTg trên địa bàn thị trấn Đ được đo đạc vào năm 1986*”, khẳng định tại công văn này phù hợp với lời khai của những người làm chứng là ông Hồ Anh Trung (Chủ tịch thị trấn Đ), ông Phạm Đích (nguyên Đội trưởng Đội đo đạc huyện Q)

và ông Đặng Văn Khuê (nguyên cán bộ địa chính thị trấn Đ), đều có nội dung xác nhận bà Trần Thị L là người sử dụng đất tại thửa đất và diện tích đất nêu trên từ năm 1975, có trong bản đồ 299/TTg và sổ mục kê tại thị trấn Đ.

Tại khoản 1 Điều 103 của Luật Đất đai năm 2013 quy định: “1) *Đất vườn, ao của hộ gia đình, cá nhân được xác định là đất ở phải trong cùng một thửa đất có nhà đang ở*”. Thửa đất số 399, tờ bản đồ số 12, tại thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Quảng Nam của hộ bà Trần Thị L được Ủy ban nhân dân huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 42878 ngày 19-5-2004, trong đó ghi rõ diện tích đất trồng cây lâu năm (1.342.0 m²) được cấp có nguồn gốc vườn, ao và đều trong cùng một thửa đất, có nhà ở và thuộc khu dân cư. Tại khoản 3 Điều 103 của Luật Đất đai quy định: “3) *Đối với trường hợp thửa đất có vườn, ao được hình thành từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và người đang sử dụng có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 của Luật này mà trong giấy tờ đó ghi rõ diện tích đất ở thì diện tích đất được xác định theo giấy tờ đó*”. Hộ bà Trần Thị L sử dụng thửa đất số 399, tờ bản đồ số 12 để làm nhà ở ổn định từ năm 1975 đến nay, được kê khai theo Hồ sơ 299/TTg, diện tích đất được thể hiện tại bản đồ 299/TTg và Sổ mục kê thị trấn Đ. Do đó, tổng diện tích 1.542.0 m² đất thuộc thửa số 399, tờ bản đồ số 12, tại thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Quảng Nam của hộ bà Trần Thị L phải được công nhận là đất ở.

Ngoài ra, cùng sử dụng đất như nhau, cùng đăng ký kê khai như nhau, cùng được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như nhau (ghi trên Giấy chứng nhận 200 đất ở + đất vườn) nhưng 02 hộ dân là hộ ông Trần Xuân Ba và bà Đặng Thị Trơ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ H00129 ngày 18-4-2008, với diện tích 2.039.30 m² là đất ở; hộ ông Trương Văn Lộc và bà Võ Thị Nhỏ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ 598 QSDĐ, với diện tích 1.921.15 m² là đất ở (đều cùng tờ bản đồ số 12, thị trấn Đ, huyện Q) là không đảm bảo lẽ công bằng.

Như vậy, hộ bà Trần Thị L có các giấy tờ theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 18, điểm b khoản 5 Điều 24 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ để công nhận toàn bộ diện tích đất của thửa đất số 399, tờ bản đồ 12 là đất ở. Mặt khác, hộ bà Trần Thị L có đông nhân khẩu, cùng sinh sống trên thửa đất này và bà L là thân nhân của Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình bà Trần Thị L, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của đương sự.

[3]. Về án phí:

Do kháng cáo được chấp nhận, nên bà Trần thị L không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính.

- Chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện là bà Trần Thị L.

- Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2021/HC-ST ngày 05-4-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

2. Căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính; Điều 100 và Điều 103 của Luật Đất đai năm 2013; xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L.

Buộc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Q thuộc Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam tiếp nhận lại hồ sơ để xác định lại diện tích đất ở và trình Ủy ban nhân dân huyện Q công nhận diện tích đất ở đối với thửa đất số 399, tờ bản đồ 12, diện tích 1.542.0 m² cho hộ bà Trần Thị L theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

3. Về án phí:

3.1. Căn cứ khoản 2 Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bà Trần Thị L không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

3.2. Án phí hành chính sơ thẩm và chi phí tố tụng được thực hiện theo Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2021/HC-ST ngày 05-4-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- TANDTC - Vụ III;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- UBND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: h/sơ vụ án, các Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Việt Cường